

Số: 181/KH-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/NQ-CP);

Thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 32-CTr/TU).

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Những năm qua, các cấp, các ngành đã quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có chuyển biến tích cực, gắn kết chặt chẽ với sản xuất và đời sống, kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đơn vị tiếp nhận, ứng dụng vào thực tiễn góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như phục vụ công tác quản lý các ngành, lĩnh vực; công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ngày càng đi vào nề nếp, góp phần ngăn chặn các làn sóng công nghệ lạc hậu vào tỉnh; công tác quản lý nhà nước, triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, bảo hộ tài sản trí tuệ, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân ngày càng đầy mạnh, phát huy hiệu quả.

Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế: Tỷ trọng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh luôn cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước, giai đoạn 2011-2022 trung bình năng suất các nhân tố tổng hợp đạt 4,42%/năm và mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 53,8%. Mức đóng góp nguồn kinh phí từ xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ ước giai đoạn 2021-2024 đạt khoảng 30%. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 7,5 người trên một vạn dân.

Công tác chuyển đổi số có sự quan tâm, đạt nhiều kết quả tích cực. Hạ tầng số được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu, các nền tảng số, các hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các Sở, ngành và địa phương, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng. Đóng góp của tăng năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP của tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2022 trung bình TFP đạt 4,42%/năm và mức đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 53,8%. Quy mô kinh tế số tỉnh An Giang năm 2023 chiếm 5,28% GRDP, năm 2024 chiếm 5,99% GRDP. Trong năm 2023, Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố; chỉ số thành phần “*Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số*” đứng thứ 9/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh hoàn thiện chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh tính đến tháng 01/2025 đạt 80%; Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg đứng hạng 9/63 tỉnh, thành phố (năm 2024).

Bên cạnh những kết quả tích cực, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh vẫn còn những bất cập, hạn chế: kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2023 tỉnh An Giang đứng thứ 59/63 tỉnh, thành phố (trong đó, chỉ số về chính quyền số và chỉ số về an toàn thông tin mạng đứng thứ 61/63 tỉnh, thành phố); dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân gần 10.000 người, tỷ lệ khoảng 1% . Tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá; cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ chưa hỗ trợ được nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại còn hạn chế, chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ; chuyển đổi số, cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm đổi mới; hiện tại tỉnh chưa tạo được môi trường làm việc đủ sức hấp dẫn để thu hút những người có tài năng, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành về công hiến cho tỉnh.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan liên quan đến thể chế, cơ chế chính sách, những bất cập hạn chế nêu trên chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan, nhất là nhận thức của các cấp, các ngành trong tỉnh về khoa học, công nghệ,

đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung; nguồn lực của tỉnh đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa tương xứng với tiềm năng; trong đó đặc biệt ở các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ và chuyển đổi số còn chưa được quan tâm đúng mức.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Việc xây dựng, ban hành Kế hoạch nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên toàn tỉnh về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Chương trình hành động số 32-CTr/TU.

b) Cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Chương trình hành động số 32-CTr/TU nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của tỉnh An Giang; định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với định hướng chung của toàn vùng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

c) Xác định những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, lộ trình thời gian và biện pháp thực hiện cụ thể để các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Chương trình hành động số 32-CTr/TU phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, thực hiện hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỉnh An Giang phát triển trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

2. Yêu cầu

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là địa phương) trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, linh hoạt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chương trình hành động số 32-CTr/TU và phân công tại Kế hoạch này với tinh thần “*thông suốt tư tưởng, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm*”; chú trọng phân công nhiệm vụ cụ thể với tinh thần “*5 rõ, 3 đảm*” và thường xuyên kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị và từng cá nhân liên quan; lấy nhà khoa học và doanh nghiệp làm trung tâm trong việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, cần tăng cường công tác phối hợp, lồng ghép các nội dung nhiệm vụ của cấp, ngành mình, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc nhóm các địa phương ở mức khá; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước; về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu.

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tối thiểu 55%. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 30 cả nước. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người An Giang duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) trên 0,7.

- Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng số tiên tiến, hiện đại; từng bước triển khai ứng dụng thành công một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới nổi; đạt tỷ lệ 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s. Phủ sóng 5G cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện và đạt tối thiểu 01 đô thị.

- Thực hiện quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt trên toàn bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức trung bình cao trong các tỉnh. An Giang thuộc trong các tỉnh đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa An Giang trở thành tỉnh có thu nhập cao hơn so với bình quân chung của cả nước. Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong nhóm 20 cả nước. Có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP; thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh, thành trong vùng; tăng dần số doanh nghiệp công nghệ số. Nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục tỉnh An Giang nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về mặt chất lượng, ứng dụng tiện ích số và thương hiệu mạnh. Đóng góp nguồn kinh phí từ xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ đạt mức tối thiểu 60% trên tổng nguồn chi.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Các Sở, ban, ngành, địa phương tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng - an ninh; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý, kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí, thước đo đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động quán triệt thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và Chương trình hành động số 32-CTr/TU theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “*học tập số*” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

c) Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

d) Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu về đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang nhằm phát triển kinh tế địa phương bền vững.

đ) Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Triển khai bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đánh giá, đo lường, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

e) Phân đấu bố trí tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%; phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đồng thời, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù thu hút người có năng lực tham gia thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) Phối hợp Bộ, ngành Trung ương tham gia học tập trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường, nâng cấp Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh thực hiện hiệu quả chức năng dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và kết nối với các trung tâm khác trên cả nước; hoàn thiện chương trình chuyển đổi số tỉnh An Giang và đầu tư nguồn lực triển khai.

h) Xây dựng, tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

i) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về thi đua, khen thưởng của tỉnh theo hướng mở rộng đa dạng các hình thức, kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Tập trung nguồn lực hoàn thiện các chủ trương, chính sách; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng

các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Có chính sách vượt trội trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với định hướng và lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

b) Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, tổ chức áp dụng thí điểm các cơ chế chính sách mới, đặc thù của tỉnh đặc biệt đối với những vấn đề về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mà thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để tạo đột phá phát triển và ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

c) Triển khai các cơ chế thí điểm để thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; áp dụng chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Nghiên cứu, hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

d) Tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghiên cứu áp dụng thí điểm các cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, tài chính, chuyên môn (sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền); được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp theo quy định hiện hành; cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

đ) Thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh. Rà soát các điểm nghẽn trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; kịp thời chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.

e) Ban hành quy định theo hướng dẫn của Trung ương về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền). Trong đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu như: định mức chi trả thù lao cho các nhà khoa học, quy trình quản lý và hình thức tổ chức Hội đồng tư vấn đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

g) Tổ chức triển khai đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp. Xây dựng, công bố danh mục các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

h) Xây dựng, hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá theo thẩm quyền để lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật cơ sở dữ liệu làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện.

i) Xây dựng chính sách vượt trội để thu hút doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số và doanh nghiệp công nghệ cao đầu tư vào tỉnh.

k) Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

3. Tăng cường đầu tư có hiệu quả nhằm hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng các Đề án cụ thể, phù hợp với các Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên các ngành như công nghệ sinh học, chế biến sâu nông sản chủ lực của tỉnh, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sản xuất phần mềm có ứng dụng AI. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang, sớm đưa khu thực nghiệm công nghệ sinh học, khu nông nghiệp công nghệ cao đi vào hoạt động ổn định; hiện đại hóa hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

b) Phối hợp Bộ, ngành Trung ương triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở, kết nối, chia sẻ và khai thác phù hợp để tạo ra giá trị.

c) Ban hành, triển khai kế hoạch ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

d) Ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

đ) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.

e) Đẩy nhanh việc triển khai và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ thông tin tập trung hoặc hình thành phát triển Khu đô thị công nghệ số tại các thành phố, thị xã, đô thị có đủ điều kiện; trong đó, quan tâm xây dựng chương trình trọng điểm phát triển các đô thị thông minh ở tỉnh An Giang.

g) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục,...; chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

h) Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

i) Nâng cao chất lượng nghiên cứu và hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ thông tin của Trường Đại học An Giang

k) Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tầm hoạt động của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh theo hướng dẫn đầu về công nghệ giống rau màu, hoa, dược liệu và chế biến tinh nông sản trên nền tảng sinh học.

4. Thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các nhà khoa học đến từ các trường đại học, tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Rà soát triển khai, ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

c) Quan tâm thu hút, tạo điều kiện phát triển cơ sở giáo dục phổ thông nhiều cấp có uy tín, có tiềm lực liên thông đào tạo các ngành định hướng khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để phát triển giáo dục STEM (Science, Technology, Engineering and Mathematics - Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học) trong các nhà trường. Đầu tư phát triển trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ cho đội ngũ công chức, viên chức và phát triển nguồn nhân lực gắn với nền tảng khoa học tự nhiên. Kêu gọi và phát huy vai trò của doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu, sản xuất có nền tảng khoa học, kỹ thuật, công nghệ tham gia gắn kết với các cơ sở giáo dục, cùng thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, khơi

nguồn tư duy, hỗ trợ thực hành trong các trường, đặc biệt là các trường chuyên và định hướng học sinh, học viên, sinh viên giỏi tham gia vào các ngành gắn với nền tảng ứng dụng STEM.

d) Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập và đổi mới nội dung hoạt động đi vào thực chất và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án/Chương trình về chuyển đổi số của tỉnh với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; trong đó, tập trung hoàn thiện chính quyền điện tử các cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính, phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực cho chuyển đổi số; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường ứng dụng AI để phục vụ cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe và dân trí.

c) Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giám quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

d) Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

đ) Xây dựng danh mục các dự án khoa học, công nghệ, chuyển đổi số kêu gọi các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.

e) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

g) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số. Tăng cường giám sát an toàn thông tin để kịp

thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân

h) Triển khai các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

i) Triển khai đấu tranh phòng chống tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

k) Triển khai, liên thông các dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh và phục vụ người dân, doanh nghiệp (sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; Thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp,...).

l) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

m) Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

6. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng, triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại tỉnh.

c) Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện. Nghiên cứu, hình thành ít nhất 01 khu công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

đ) Có chính sách cụ thể thúc đẩy các doanh nghiệp ở những khu vực vùng sâu, vùng xa đang sở hữu các sản phẩm đặc thù của địa phương được ứng dụng

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số.

e) Triển khai chính sách thúc đẩy tiếp cận khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các người lao động yếu thế (vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, phụ nữ,...); đẩy mạnh đào tạo lại kiến thức và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nguồn nhân lực thông qua việc áp dụng mô hình học tập suốt đời; phát triển các nền tảng học trực tuyến ứng dụng thực tế ảo, lớp học mô phỏng để người lao động ở mọi nơi có thể tiếp cận khoá học và tăng hiệu quả đào tạo nghề.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài và những công nghệ sản xuất sản phẩm mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh; nghiên cứu thực hiện mô hình hợp tác với một hoặc vài Trường Đại học trong nước, lập một nền tảng tích hợp để tập hợp được các trường đại học trong và ngoài nước, các doanh nghiệp cùng với các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh để cùng nhau thực hiện các nghiên cứu, giải pháp về công nghệ, đổi mới sáng tạo, thành phố thông minh, sáng chế trên nền tảng đồng sáng tạo - cùng làm - cùng tìm các quỹ để thực hiện.

b) Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/Khu công nghiệp công nghệ cao/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung.

c) Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh. Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

V. KINH PHÍ

Theo chức năng, nhiệm vụ các Sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị phải bố trí kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Kế hoạch đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các tổ chức, đơn vị trực thuộc. Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý) và hàng năm (trước ngày 15/11), báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở

Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh: phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch. Theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ hoặc đột xuất tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan theo quy định.

5. Sở Tài chính: trên cơ sở kinh phí do Trung ương cấp, theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương để thu hút doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số và doanh nghiệp công nghệ cao đầu tư vào tỉnh.

7. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh vận động, kêu gọi doanh nghiệp đầu đầu vào lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện kế hoạch này.

9. Các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn tỉnh phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành tỉnh, địa phương đẩy mạnh phát triển hạ tầng số; phát triển, cung cấp và triển khai các giải pháp công nghệ số phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

10. Các Sở, ban, ngành sau khi cơ cấu, sắp xếp, hợp nhất tổ chức bộ máy căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao chủ trì theo Kế hoạch này.

11. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, địa phương chủ

động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh: Chủ tịch và các Phó chủ tịch;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Thuộc nhóm các địa phương ở mức khá về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 20 tỉnh, thành dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê
6	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
7.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
7.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
7.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
7.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cơ quan, địa phương	%	70	Văn phòng UBND tỉnh
7.8	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Văn phòng UBND tỉnh
7.9	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7.10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
7.12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
8	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh
9	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	2	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính
12	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh	% tổng chi NSNN	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
14	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
15	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực, vùng	Tổ chức	Ít nhất 02	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16 - 18	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại	Sở Khoa học và Công nghệ
19.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
19.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	99	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh ở một số địa phương có đủ điều kiện	Địa phương	≥ 01	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Quản lý nhà nước từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an tỉnh
23	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh, triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm dữ liệu	≥ 01	Công an, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
24	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh
25	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
27	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 30	Công an tỉnh An Giang
28	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương	Thứ bậc	≤ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Đến năm 2045			
29	Quy mô kinh tế số	%GRDP	≥ 35	Sở Khoa học và Công nghệ
30	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương	Thứ bậc	≤ 20	Sở Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP; tạo sự thống nhất trong nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân	Ban Tuyên giáo; Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Báo chí và Truyền thông tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	6/2025
2	Xây dựng chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tuyên giáo; các sở, ngành, địa phương; Trung tâm Báo chí và Truyền thông tỉnh	Thường xuyên
3	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong đội ngũ công chức,	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên

	viên chức, học sinh, sinh viên toàn ngành, tạo sự lan tỏa tích cực ra cộng đồng.			
4	Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định
5	Xây dựng, ban hành Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án
6	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
7	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	03/2025
8	Triển khai văn bản hướng dẫn các định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm mới trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ
9	Triển khai thực hiện các quy định Trung ương về phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	12/2025

	trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.			
10	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
11	Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.	Sở Khoa học, Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính); các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2030
12	Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định về thi đua, khen thưởng theo hướng mở rộng các hình thức, kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	12/2025
13	Tăng cường, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên

14	Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu về đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang nhằm phát triển kinh tế địa phương bền vững	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025-2030
II	Tập trung nguồn lực hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Xây dựng cơ chế, chính sách và thu hút nguồn lực phục vụ phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo và một số lĩnh vực trọng tâm như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo;	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Sở Tài chính, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ	12/2025
2	Vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương để thu hút doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số và doanh nghiệp công nghệ cao đầu tư vào tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	12/2025
3	Xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
4	Rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo thẩm quyền của tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	6/2025
5	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	12/2025

	chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa			
6	Triển khai Đề án hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	Công an tỉnh	Các cơ quan liên quan	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Công an
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
1	Xây dựng Đề án triển khai cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chương trình cấp quốc gia
2	Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2030
3	Bổ trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; triển khai các giải pháp công nghệ mới, chuyển đổi số.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm
4	Ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu, đào tạo nhân lực công nghệ số	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Sở Khoa học và Công nghệ	2025
5	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
6	Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực theo danh mục đã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	12/2028

	được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số			
7	Xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi có Quyết định của Chính phủ
8	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ được ban hành
9	Triển khai thí điểm bản sao số cho ít nhất một thành phố, thị xã để quản lý, phát triển	UBND thành phố, thị xã đủ điều kiện (dự kiến UBND TP. Long Xuyên, UBND TP. Châu Đốc)	Sở Khoa học và Công nghệ	Trường hợp được lựa chọn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành
10	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh	Các thành phố, thị xã đủ điều kiện	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng	Trường hợp được lựa chọn theo Đề án của Bộ Khoa học và Công nghệ
11	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sau khi Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành

12	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Ban Quản lý khu kinh tế	12/2025
13	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số	Các sở, ngành là chủ quản CSDL chuyên ngành	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2025
14	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026
15	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
16	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại Công văn số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương	06/2025
17	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, cung cấp và triển khai các giải pháp công nghệ số phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp CNTT, Viễn thông trên địa bàn tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025-2030
18	Nâng cao chất lượng nghiên cứu và hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ thông tin của Trường đại học An Giang	Đảng bộ Trường Đại học An Giang	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025-2030

19	Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tầm hoạt động của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh theo hướng dẫn đầu về công nghệ giống rau màu, hoa, dược liệu và chế biến tinh nông sản trên nền tảng sinh học.	Sở Khoa học và công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương, Đại học An Giang	2025-2030
IV	Thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các nhà khoa học đến từ các trường đại học, tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực có trình độ cao về chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của tỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
2	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách sớm phát triển giáo dục STEM từ bậc học phổ thông; trong đó có quan tâm tạo điều kiện phát triển trường ngoài công lập mạnh về STEM trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tổ chức khoa học công nghệ công lập	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, địa phương	2025
4	Xây dựng, triển khai đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (đào tạo theo đơn đặt hàng để có các chuyên gia trong một số lĩnh vực lợi thế, tiềm năng của tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, địa phương	2025

V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
1	Xây dựng Kế hoạch/ Đề án/ Chương trình về chuyển đổi số tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành
2	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, kết nối các Trung tâm điều hành thông minh của Chính phủ, các ngành và cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	6/2025
3	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	6/2025
4	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
5	Xây dựng danh mục các dự án khoa học, công nghệ, chuyển đổi số kêu gọi các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
6	Triển khai thực hiện giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ

7	Xây dựng, triển khai Kế hoạch/Chương trình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên cơ sở Kế hoạch/Đề án/ Chương trình về chuyển đổi số tỉnh và của Bộ.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Đề án cấp quốc gia
8	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	12/2026
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số phục vụ quản lý “nông hóa - thổ nhưỡng, cây trồng - vật nuôi”; ứng dụng công nghệ bản đồ số trong quản lý các lớp dữ liệu ngành nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	2026
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	2026
11	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	2025
12	Triển khai nền tảng số thúc đẩy hợp tác giữa nông dân - nông dân, Hợp tác xã - Hợp tác xã; liên kết giữa doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị nông sản bền vững. Truy xuất nguồn gốc nông sản. Cấp mã số vùng trồng. Quản lý phát thải nhà kính, Tính toán tín chỉ carbon và dấu chân carbon.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	2025

13	Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các lực lượng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh,	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các Đề án cấp quốc gia
14	Xây dựng Kế hoạch/ Đề án đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các Sở, ngành và địa phương	2026
15	Triển khai các Tiểu Đề án phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: Định danh tàu thuyền; Định danh địa điểm; Xây dựng sàn giao dịch việc làm; Xây dựng sàn giao dịch bất động sản; Xây dựng, duy trì sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền; Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo; Phát triển kinh tế đêm; Mô hình du lịch thông tin; Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử; ...	Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Văn hóa thể thao và du lịch, Sở Nội vụ	Cục Thuế tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	2025
16	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh, Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025

17	Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế	Công an tỉnh; BHXH tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương	03/2025
18	Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại một số Bệnh viện đủ điều kiện của tỉnh	Sở Y tế	Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh và các địa phương	2025
19	Triển khai đăng ký, cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	06/2025
20	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang, Sở Công Thương, Cục Thuế tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	2025 và những năm tiếp theo
21	Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KHCN	2025 và những năm tiếp theo
22	Đề án đột phá phát triển khoa học công nghệ, công nghiệp an ninh, làm chủ công nghệ chiến lược thực hiện hiện đại hóa lực lượng Công an nhân dân trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Trình UBND tỉnh ban hành sau khi Chính phủ ban hành các Đề án cấp quốc gia
23	Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực số cho đội ngũ cán bộ công chức tỉnh An Giang .	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung

VI	Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi Quyết định Bộ tiêu chí được Bộ KH&CN ban hành
2	Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	3/2026
3	Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
4	Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025
5	Công bố trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm
6	Hình thành ít nhất 01 khu công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2028
7	Triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi cơ quan nhà nước số theo bộ tiêu chí được Thủ tướng Chính phủ ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sau khi Quyết định của Thủ

				tướng Chính phủ ban hành
8	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	9/2026
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các Khu Công nghiệp của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở Tài chính)	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2025-2030
2	Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên